

**Bản án số 05/2025/DS-ST**  
Ngày 28 tháng 3 năm 2025  
*V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đình Vui.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Thân và ông Phạm Thuận

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Nguyễn Viết Cường

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Công ty T1**; địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C- Số A, đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Minh Đ, chức vụ: Giám đốc khôi thu hồi nợ (*Theo Giấy ủy quyền số 035A/2024/GUQ-TGD ngày 29/6/2024*); Ông Chun Young I, ông Phùng Minh Đ ủy quyền lại cho Công ty L (*Theo Giấy ủy quyền số 23/2024/UQ-KK-SVFC ngày 26/9/2024*); Công ty L ủy quyền lại cho ông Hoàng Văn Đ1, bà Nguyễn Ngọc A, bà Lê Thị Thảo N, bà Đỗ Thị Thùy T và ông Trần Hoàng H; địa chỉ liên hệ: H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ.2024 ngày 01/10/2024*). (Bà A có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Văn Thị Y**, sinh năm 1995; địa chỉ: K T, tổ I, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 16/8/2022, Công ty T1 và bà Văn Thị Y có ký hợp đồng cho vay số 100983329 (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng"). Theo đó, Công ty T1 cho bà Văn Thị Y vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 37%/năm, mục đích vay: mua phương tiện đi lại, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 16/8/2022,

Công ty T1 đã giải ngân đủ số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho bà Văn Thị Y.

Căn cứ quy định của hợp đồng, bà Văn Thị Y có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 30 kỳ vào ngày 10 (mười) hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.282.320 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/9/2022, kỳ cuối cùng vào ngày 10/2/2025.

Tuy nhiên đến nay, bà Văn Thị Y chỉ mới thanh toán tổng cộng 04 kỳ với tổng số tiền 5.232.320 đồng (Năm triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi đồng). Bà Văn Thị Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng bà Văn Thị Y vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1.

Vì vậy, Công ty T1 đề nghị Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên buộc bà Văn Thị Y phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 17/2/2025 với số tiền 47.192.288 đồng, trong đó: Nợ gốc: 22.700.856; lãi trong hạn: 10.639.481 đồng; lãi chậm trả gốc quá hạn: 12.398.339 đồng; lãi chậm trả lãi quá hạn: 1.453.613 đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn rút lại các yêu cầu buộc bà Văn Thị Y phải thanh toán lãi chậm trả gốc quá hạn: 12.398.339 đồng; lãi chậm trả lãi quá hạn: 1.453.613 đồng. Nguyên đơn chỉ đề nghị Toà án buộc bà Văn Thị Y phải thanh toán số tiền 33.340.337 đồng, trong đó: Nợ gốc: 22.700.856; lãi trong hạn: 10.639.481 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà Văn Thị Y không đến Tòa án để làm việc và không gửi ý kiến về các nội dung liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty T1 với bị đơn bà Văn Thị Y là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Văn Thị Y vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại Thông báo Thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định tranh chấp giữa Công ty T1 và bà Văn Thị Y là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, tại phiên tòa căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty T1 là tổ chức được phép hoạt động tín dụng nên Tòa án xác định lại tranh chấp giữa Công ty T1 và bà Văn Thị Y là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 16/8/2022, Công ty T1 và bà Văn Thị Y có ký hợp đồng cho vay số 100983329. Theo đó, Công ty T1 cho bà Văn Thị Y vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 37%/năm, mục đích vay: mua phương tiện đi lại, loại hình vay: tín chấp. Vào ngày 16/8/2022, Công ty T1 đã giải ngân đủ số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho bà Văn Thị Y. Hợp đồng này được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay tiêu dùng và lịch trả nợ kèm theo hợp đồng cho vay, bà Văn Thị Y có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 30 kỳ, ngày thanh toán vào ngày 10 (mười) hằng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.282.320 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/9/2022, kỳ cuối cùng vào ngày 10/02/2025. Trong quá trình vay, bà Y đã thanh toán cho Công ty T1 được 04 kỳ với tổng số tiền 5.232.320 đồng. Từ ngày 10/01/2023 cho đến nay, bà Y không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Công ty T1. Như vậy, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ.

Tính đến ngày 17/02/2025 bà Y còn nợ Công ty T1 với số tiền 47.192.288 đồng, trong đó: Nợ gốc: 22.700.856; lãi trong hạn: 10.639.481 đồng; lãi chậm trả gốc quá hạn: 12.398.339 đồng; lãi chậm trả lãi quá hạn: 1.453.613 đồng.

Tại phiên toà Công ty T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bà Văn Thị Y phải trả cho Công ty T1 số tiền lãi chậm trả gốc quá hạn là: 12.398.339 đồng và lãi chậm trả lãi quá hạn là: 1.453.613 đồng. Công ty T1 chỉ đề nghị Toà án buộc bà Văn Thị Y phải thanh toán số tiền 33.340.337 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.700.856 đồng; lãi trong hạn là 10.639.481 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 về việc yêu cầu bà Văn Thị Y trả số tiền 33.340.337 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.700.856 đồng; lãi trong hạn là 10.639.481 đồng là phù hợp với các điều khoản quy định trong hợp đồng cho vay tiêu dùng và bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay cũng như quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà Văn Thị Y phải chịu theo quy định của pháp luật, cụ thể:  $33.340.337đ \times 5\% = 1.667.016đ$ .

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty T1 đối với bà Văn Thị Y.

Buộc bà Văn Thị Y phải thanh toán cho Công ty T1 tổng số tiền **33.340.337 đồng**, trong đó: nợ gốc là 22.700.856 đồng; nợ lãi trong hạn là 10.639.481 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 đối với lãi chậm trả gốc quá hạn: 12.398.339 đồng; lãi chậm trả lãi quá hạn: 1.453.613 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.667.016 đồng (*Một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm mười sáu đồng*) bà Văn Thị Y phải chịu. Công ty T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 số tiền 1.019.255 đồng (*Một triệu, không trăm mười chín ngàn, hai trăm năm mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005971 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Đình Vui**







